

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2025 nguồn ngân sách trung ương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 344/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương) của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 433/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương) của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Xét Tờ trình số 2738/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2025 nguồn ngân sách trung ương; Báo cáo thẩm tra số 559/BC-BKTNS ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương là **2.624.532,36 triệu đồng**, cụ thể như sau:

1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: 953.520 triệu đồng, gồm:

a. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: 525.520 triệu đồng.
cụ thể:

- Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030: 10.000 triệu đồng.

- Thực hiện dự án: 515.520 triệu đồng; phân bổ cho 07 dự án hoàn thành; 02 dự án khởi công mới; Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương; vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia.

b. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư là 428.000 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu 1, 2; Phụ lục 2.1, 2.2).

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.201.557 triệu đồng; cụ thể:

a. Tiền sử dụng đất của tỉnh đầu tư: 449.885 triệu đồng:

Phân bổ cho 07 dự án; chỉ cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính, gồm: 01 dự án chuyển tiếp; 05 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025; 01 danh mục bổ sung có mục tiêu; xử lý hụt thu vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới 2019.

b. Tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 751.672 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu 2; Phụ lục 2.3, 2.4 và 2.3.1).

3. Xổ số kiến thiết: 190.000 triệu đồng, trong đó:

Phân bổ cho 06 dự án; gồm: 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025, 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025; 02 dự án khởi công mới năm 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

4. Nguồn kết dư ngân sách tỉnh: 175.255,36 triệu đồng.

5. Bội chi ngân sách: 104.200 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu 2).

Điều 2. Thống nhất phương án phân bổ vốn năm 2025 nguồn ngân sách trung ương là **1.937.987 triệu đồng**; cụ thể:

Phân bổ cho 20 dự án (gồm: 16 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025; 03 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025) và 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

2.1. Vốn trong nước: 1.856.228 triệu đồng; trong đó:

a. Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.147.058 triệu đồng; dự kiến bố trí 19 dự án; gồm: 16 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025; 03 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025.

b. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 709.170 triệu đồng; phân bổ cho 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

(Kèm theo Biểu 3,4; Phụ lục 4.1, 4.2, 4.3).

2.2. Vốn nước ngoài: 81.759 triệu đồng; phân bổ cho Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới, 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành.

(Kèm theo Biểu 5).

Điều 3. Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn đối với các dự án nguồn ngân sách địa phương sang năm 2025: 04 dự án cấp tỉnh quản lý.

(Kèm theo biểu 6).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Hai mươi bốn thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Th*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

**BIỂU 1****KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024	Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Ghi chú
	Tổng số	4.435.707	4.562.519,360	
I	Vốn ngân sách địa phương	2.497.720	2.624.532,360	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	953.520	953.520	
	Trong đó:			
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư		525.520	
b	Vốn trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố quyết định đầu tư		428.000	
2	Đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất	1.250.000	⁽¹⁾ 1.201.557	
	Trong đó:			
a	Tiền sử dụng đất của tỉnh đầu tư		449.885	
b	Tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố đầu tư		751.672	
3	Vốn xổ số kiến thiết	190.000	190.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	104.200	104.200	
5	Nguồn kết dư ngân sách tỉnh		175.255,360	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024	Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Ghi chú
II	Vốn ngân sách trung ương	1.937.987	1.937.987	
1	Vốn trong nước	1.856.228	1.856.228	
	Trong đó:			
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	368.916	368.916	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	48.379	48.379	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới	291.875	291.875	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác	208.000	208.000	
2	Vốn nước ngoài	81.759	81.759	
	Trong đó:			
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	72.692	72.692	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới	9.067	9.067	

Ghi chú: (1) Không bao gồm 164,024 tỷ đồng chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
					Tổng mức đầu tư		giai đoạn 2021-2025		hết KH năm 2024		năm 2025				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ						10.375.010	8.124.094	3.667.895	2.900.592	2.624.532,36	2.624.532,36			
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ (A.1+A.2)						4.965.981	3.669.065	2.539.679	2.503.736	953.520	953.520			
A.1.	Vốn đầu tư trong cán đối theo tiêu chí tình đầu tư (I+II)						2.825.981	1.529.065	827.679	791.736	525.520	525.520			
I	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030						15.000	15.000			10.000	10.000			
II	Vốn thực hiện dự án						2.810.981	1.514.065	827.679	791.736	515.520	515.520			
II.1	Quốc phòng						131.560	103.344	96.760	60.817	42.527	42.527			
(I)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						131.560	103.344	96.760	60.817	42.527	42.527			
1	Xây dựng chốt chiến đầu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cỏ, Ia Grai	2022-2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	51.560	23.344	51.560	15.617	7.727	7.727			
2	Sho7	Gia Lai	2023-2025	5357/QĐ-BCH ngày 19/7/2021	40.000	40.000	40.000	40.000	22.610	22.610	17.390	17.390	Dự án hoàn thành năm 2025		
3	Sho6	Gia Lai	2023-2025	5356/QĐ-BCH gày 19/7/2021	40.000	40.000	40.000	40.000	22.590	22.590	17.410	17.410	Dự án hoàn thành năm 2025		
II.2	Bảo vệ môi trường						426.996	72.861	38.764	38.764	29.430	29.430			
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						50.000	50.000	25.064	25.064	24.430	24.430			
1	Hồ thí trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	Chư Păh	2023-2025	383/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; 564/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	89.500	50.000	50.000	50.000	25.064	25.064	24.430	24.430	Dự án hoàn thành năm 2025		
(2)	Dự án khởi công mới năm 2025						376995,859	22860,859	13.700	13.700	5.000	5.000			

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
					Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
1	Vốn đối ứng Dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2023-2026	2401/QĐ-UBND ngày 8/9/2022	1.093.469	360.270	376995,859	22860,859	13.700	13.700	5.000	5.000	Dự án chưa ký hiệp định, bỏ trí vốn để làm công tác tư vấn và đền bù.
II.3	Văn hóa, thông tin						206.700	21.700	326	326	21.374	21.374	
(1)	Khởi công mới năm 2025						206.700	21.700	326	326	21.374	21.374	
1	Nhà hát, trung tâm triển lãm văn hóa, nghệ thuật và thư viện tổng hợp tỉnh Gia Lai		2025	413/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	200.000	200.000	200.000	15.000			15.000	15.000	Giao cho UBND tỉnh giao vốn khi dự án đủ điều kiện trước ngày 31/12/2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 53 và khoản 4 Điều 63 Luật Đầu tư công 2019.
2	Phòng trưng bày Không gian văn hoá công chúng Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh		2025	410/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 269/QĐ-SVHTTDL ngày 24/8/2021	6.700	6.700	6.700	6.700	326	326	6.374	6.374	Giao cho UBND tỉnh giao vốn khi dự án đủ điều kiện trước ngày 31/12/2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 53 và khoản 4 Điều 63 Luật Đầu tư công 2019.
II.4	Các hoạt động kinh tế						2.005.725	1.276.160	675.089	675.089	398.929	398.929	
II.4.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản						1.795.170	1.065.605	556.105	556.105	322.818	322.818	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						1.525.605	1.025.605	550.105	550.105	307.818	307.818	
1	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	1.000.000	500.000	1.000.000	500.000	410.410	410.410	89.590	89.590	Kèm theo phụ lục 2.1
2	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia						525.605	525.605	139.695	139.695	218.228	218.228	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025						269.565	40.000	6.000	6.000	15.000	15.000	

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2024				Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP												
1	Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai", vay vốn ADB		2022-2026	652/QĐ-UBND ngày 09/6/2023; 1127/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	440.036	115.064	255.565	26.000	6.000	6.000	5.000	5.000	Dự án chưa ký hiệp định. Bỏ trị vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.					
2	Dự án "Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+" sử dụng vốn vay IFAD và vốn viện trợ không hoàn lại GCF	Gia Lai		1058/QĐ-TTg ngày 30/9/2024	617.409	132.249	14.000	14.000			10.000	10.000	Bỏ trị vốn để lập thủ tục đầu tư					
II.4.2	Giao thông						210.555	210.555	118.984	118.984	76.111	76.111						
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						210.555	210.555	118.984	118.984	76.111	76.111						
1	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	2022-2025	85/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1090/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; 447/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	130.000	130.000	130.000	130.000	70.889	70.889	59.111	59.111	Dự án hoàn thành năm 2025					
2	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - tiểu dự án tỉnh Gia Lai		2017-2025	734/QĐ-UBND ngày 28/7/2016; 1039/QĐ-UBND ngày 15/10/2018; 401/QĐ-UBND ngày 28/7/2022; 668/QĐ-UBND ngày 20/6/2023; 623/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	566.663	106.663	80.555	80.555	48.095	48.095	17.000	17.000	Dự án hoàn thành năm 2025					
II.5	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.						40.000	40.000	16.740	16.740	23.260	23.260						
(1)	Dự án hoàn thành năm 2025						40.000	40.000	16.740	16.740	23.260	23.260						
1	Tư sở UBND huyện Chư Păh	Chư Păh	2024-2025	01/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	24.000	20.000	20.000	20.000	11.390	11.390	8.610	8.610	Dự án hoàn thành năm 2025					

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú	
					Tổng mức đầu tư									
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
2	Trụ sở UBND và UBND huyện Kông Chro	Kông Chro	2024-2025	738/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	24.000	20.000	20.000	20.000	5.350	5.350	14.650	14.650	Dự án hoàn thành năm 2025	
A.1.2	Vốn trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố quyết định đầu tư													Kèm theo phụ lục 2.2
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (I+II)							4.885.637	3.975.637	765.269	36.136	1.201.557	1.201.557	Kèm theo phụ lục 2.3
B.1	Nguồn thu tiền sử dụng đất tính đầu tư (I.1+I.2+I.3+I.4+I.5)							1.524.000	614.000	765.269	36.136	449.885	449.885	
L.1	Chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đăng ký biến động, chính lý hồ sơ địa chính từ nguồn kết dư tiền sử dụng đất													Chi được giao vốn khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công
L.2	Các hoạt động kinh tế (I.5.1+I.5.2)							1.468.000	558.000	756.764	35.956	216.158,258	216.158,258	
L.2.1	Giao thông							1.468.000	558.000	756.764	35.956	216.158,258	216.158,258	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025							1.468.000	558.000	756.764	35.956	216.158,258	216.158,258	
1	Cải tạo nút giao thông Phú Đồng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2022-2024	194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	120.000	120.000	43.000	43.000	720			20.000	20.000	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 (do năm 2024 tình hình không thu được tiền sử dụng đất). Chi được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn. Số vốn còn thiếu ứng từ Quỹ phát triển đất để triển khai
2	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Dak Doa, Chư Păh	2022-2025	1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.325.000	425.000	1.325.000	425.000	692.000			160.202,258	160.202,258	Dự án hoàn thành năm 2025. Số vốn còn thiếu ứng từ Quỹ phát triển đất để triển khai

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
3	Đường phía Đông, thị trấn Nhom Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	2021-2024	488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 894/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	70.000	70.000	70.000	70.000	35.000	35.000	35.000	35.000	Dự án hoàn thành năm 2025	
4	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	2021-2024	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000	30.000	20.000	30.000	29.044	956	956	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 (do năm 2024 tình hình không thu được tiền sử dụng đất). Chỉ được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.	
L3	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.						56.000	56.000	8.505	180	47.495	47.495		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						56.000	56.000	8.505	180	47.495	47.495		
1	Bổ sung có mục tiêu để thành phố Pleiku xây dựng Trụ sở UBND-UBND thành phố Pleiku	Pleiku	2025	406/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 276/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 255/QĐ-SKHDT ngày 02/12/2021; 01/QĐ-SKHDT ngày 03/01/2023	40.000	40.000	40.000	40.000				40.000		
2	Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	Kông Pa, Chư Păh, Đak Đoa	2022-2024	275/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 257/QĐ-SKHDT ngày 06/12/2021; 186/QĐ-SKHDT ngày 14/11/2022; 02/QĐ-SKHDT ngày 03/01/2023	12.000	12.000	12.000	12.000	8.325			3.675	3.675	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 (do năm 2024 tình hình không thu được tiền sử dụng đất). Chỉ được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.
3	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	Đak Đoa	2022-2024	275/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 257/QĐ-SKHDT ngày 06/12/2021; 186/QĐ-SKHDT ngày 14/11/2022; 02/QĐ-SKHDT ngày 03/01/2023	4.000	4.000	4.000	4.000	180	180	3.820	3.820	Dự án này kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 (do năm 2024 tình hình không thu được tiền sử dụng đất). Chỉ được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.	

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2024				Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP												
I.4	Xử lý hạt thu năm 2019																	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (xử lý hạt thu năm 2019)																	Kèm theo phụ lục 2.4
II	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư																	
C.	XÔ SỔ KIẾN THIẾT																	Kèm theo phụ lục 2.3
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																	
(I)	Dự án khởi công mới năm 2025																	
I	Trường THPT A Sanh huyện Ia Grai		2025	207/QĐ-SKHĐT ngày 14/12/2022	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	400	400	400	7.600	7.600				Dã hoàn thành năm 2025
II	Y tế, dân số và gia đình																	
(I)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025																	
	(I)																	
I	Khu xã trị và trang thiết bị - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Pleiku	2022-2025	447/QĐ-UBND ngày 11/4/2023; 373/NQ-HBND ngày 10/7/2024; 651/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	147.800	147.800	147.800	147.800	73.292	73.292	73.292	74.508	74.508					Dự án hoàn thành năm 2025
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025																	
I	Trung tâm y tế huyện Khang		2024-2026	418/NQ-HBND ngày 17/6/2021; 246/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	110.000	100.000	20.000	20.000	9.150	9.150		10.850	10.850					Bố trí đủ theo kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2024				Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: các nguồn vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP												
2	Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi	Pleiku	2024-2026	384/NQ-HBND ngày 17/6/2021; 325/QĐ-UBND ngày 16/7/2021; 1116/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh	200.000	200.000	100.000	100.000	50.704	50.704	49.296	49.296	Bổ trí đủ theo kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025					
(3)	Dự án khởi công mới năm 2025						69.492	30.425	2.227	387	26.933	26.933						
1	Xây dựng bệnh viện 331		2025-2027	417/NQ-HBND ngày 17/6/2021; 326/QĐ-UBND ngày 16/7/2021; 372/NQ-HBND ngày 10/7/2024	238.300	238.300	25.492	25.492	1.840		22.387	22.387	Giao cho UBND tỉnh giao vốn khi dự án đủ điều kiện trước ngày 31/12/2024 theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 và Khoản 4 Điều 63 Luật Đầu tư công 2019.					
2	Dự án nâng cấp cải tạo khối nhà khu B, khu C bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	2024-2025	343/NQ-HBND ngày 06/5/2024; Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	44.000	44.000	44.000	4.933	387	387	4.546	4.546						
III	Các hoạt động kinh tế				-	-	134.100	134.100	113.287	113.287	20.813	20.813						
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi				-	-	134.100	134.100	113.287	113.287	20.813	20.813						
(1)	Dự án khởi công mới năm 2024				-	-	134.100	134.100	113.287	113.287	20.813	20.813						
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới						134.100	134.100	113.287	113.287	20.813	20.813						
D	Nguồn kết dư ngân sách tỉnh						44.000	39.067	387	-	175.255,36	175.255,36						
1	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030										5.000	5.000						

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
													Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
2	Chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính từ nguồn kết dư tiền sử dụng đất											131.188,36	131.188,36	Chi được giao vốn khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công
3	Dự án nâng cấp, cải tạo khối nhà khu B và khối nhà khu C của Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	2024-2025	343/NQ-HĐND ngày 06/5/2024; Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	44.000	44.000	44.000	39.067	387		39.067	39.067	39.067	Dự án hoàn thành năm 2025
E	Bội chi ngân sách								113.500	113.500	104.200	104.200		

Ghi chú (*) Theo QĐ của Luật đầu thầu số 22/2023/QH15 để triển khai dự án phải đầu thầu các bước theo yêu cầu nhà tài trợ là đầu thầu và ký hợp đồng nhà thầu Phần Lan xong mới ký hiệp định vay vốn sẽ cần Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc Hội cho ý kiến.

PHỤ LỤC 2.1

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ KÊNH MƯƠNG NĂM 2025 (VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ)

(Kèm theo Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	500.000	410.410	89.590	
1	Thị xã An Khê	7.844	7.844	-	
2	Huyện Chư Prông	78.865	57.540	21.325	
3	Huyện Chư Puh	29.742	21.058	8.684	
4	Huyện Chư Sê	17.738	17.738	-	
5	Huyện Ia Grai	41.575	39.023	2.552	
6	Huyện Phú Thiện	18.060	15.394	2.666	
7	Huyện Krông Pa	33.762	27.738	6.024	
8	Huyện Kbang	31.819	25.870	5.949	
9	Thị xã Ayun Pa	18.662	14.098	4.564	
10	Huyện Mang Yang	17.882	17.882	-	
11	Huyện Đức Cơ	31.043	24.484	6.559	
12	TP. Pleiku	86.139	62.200	23.939	
13	Huyện Chư Păh	25.728	25.728	-	
14	Huyện Đak Đoa	46.934	39.606	7.328	
15	Huyện Ia Pa	4.175	4.175	-	
16	Huyện Đak Pơ	10.032	10.032	-	

Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở định mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định; chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc lựa chọn, đề xuất danh mục dự án, đảm bảo đúng đối tượng, hiệu quả và không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn.

Phụ lục 2.2

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.140.000	1.712.000	428.000	
1	Thành phố Pleiku	271.840	217.472	54.368	
2	Thị xã An Khê	115.370	92.296	23.074	
3	Thị xã Ayun Pa	115.385	92.308	23.077	
4	Huyện Kbang	116.130	92.904	23.226	
5	Huyện Đak Đoa	125.585	100.468	25.117	
6	Huyện Chư Păh	115.695	92.556	23.139	
7	Huyện Ia Grai	123.815	99.052	24.763	
8	Huyện Mang Yang	110.440	88.352	22.088	
9	Huyện Kông Chro	127.250	101.800	25.450	
10	Huyện Đức Cơ	106.770	85.416	21.354	
11	Huyện Chư Prông	141.845	113.476	28.369	
12	Huyện Chư Sê	152.915	122.332	30.583	
13	Huyện Đăk Pơ	81.185	64.948	16.237	
14	Huyện Ia Pa	107.980	86.384	21.596	
15	Huyện Krông Pa	132.055	105.644	26.411	
16	Huyện Phú Thiện	98.475	78.780	19.695	
17	Huyện Chư Puh	97.265	77.812	19.453	



Phụ lục 2.3

KẾ HOẠCH TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số thu năm 2025	Thu tiền sử dụng đất năm 2025. (phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi)	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu HSĐC và cấp giấy chứng nhận	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	KH đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 2025 (gồm cả chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu HSĐC và cấp giấy chứng nhận)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.365.581	1.365.581	136.558	164.024	1.201.557	
I	Thu tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, TP	890.081	889.123	8.805	137.451	751.672	
1	Thành phố Pleiku	500.000	531.000	8.100	100.000	431.000	
2	Thị xã An Khê	75.000	67.500			67.500	
3	Thị xã Ayun Pa	10.611	9.550		-	9.550	
4	Huyện Chư Păh	25.000	22.500			22.500	
5	Huyện Chư Prông	25.300	22.770		1.000	21.770	
6	Huyện Chư Pưh	10.000	10.900	190	2.200	8.700	
7	Huyện Chư Sê	25.000	22.500		15.000	7.500	
8	Huyện Đăk Pơ	7.500	6.750		1.000	5.750	
9	Huyện Đức Cơ	64.000	61.250	365	2.785	58.465	
10	Huyện Đăk Đoa	20.000	19.500	150		19.500	
11	Huyện Ia Grai	66.300	59.670		10.000	49.670	
12	Huyện Ia Pa	2.600	2.340			2.340	
13	Huyện Mang Yang	24.000	21.600		2.366	19.234	
14	Huyện Kbang	8.000	7.200		1.000	6.200	
15	Huyện Kông Chro	2.500	2.250			2.250	
16	Huyện Krông Pa	11.500	10.350			10.350	
17	Huyện Phú Thiện	12.770	11.493		2.100	9.393	
II	Thu tiền sử dụng đất từ dự án của tỉnh (1)	475.500	476.458	127.753	⁽²⁾ 26.573	449.885	

Ghi chú: (1). Trong tổng số thu tiền sử dụng đất từ dự án của tỉnh năm 2025, điều tiết về cho TP Pleiku 81 tỷ đồng; huyện Đak Đoa 1,5 tỷ đồng; huyện Chư Pưh 1,9 tỷ đồng; huyện Đức Cơ 3,65 tỷ đồng

(2). Chi trả nợ ứng quỹ phát triển đất (Kèm theo phụ lục 2.3.1).

Phụ lục 2.3.1
BỐ TRÍ KINH PHÍ VÀO DỰ TOÁN NĂM 2025 ĐỂ HOÀN TRẢ
VỐN ỨNG CHO QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT CỦA CÁC DỰ ÁN THU
TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đvt : Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số vốn ứng	Ghi chú
A	Số kinh phí đề nghị bố trí vào dự toán năm 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (I+II+III)	26.573,096	
1	Huyện Chư Pưh	13.171,780	
1.1	Chợ Trung tâm và Khu dân cư thị trấn Nhơn Hòa	13.171,780	
2	Thành phố Pleiku	13.042,623	
2.1	Khu dân cư Hội Phú	13.042,623	
3	Huyện Đak Đoa	358,693	
3.1	Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu phức hợp Đak Đoa	358,693	

Phụ lục 2.4

**BỐ TRÍ VỐN THU HỒI TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn tiền sử dụng đất tỉnh bố trí hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 còn lại sau điều chỉnh	Ghi chú
	Tổng số	58.478,742	
1	Thị xã Ayunpa	1.872,178	
3	Huyện Phú Thiện	5.389,644	
3	Huyện Ia Pa	5.389,644	
4	Huyện Đăk Pơ	8.084,047	
5	Huyện Đăk Đoa	5.389,644	
6	Huyện Chư Pưh	5.389,644	
7	Huyện Kbang	26.963,941	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Quyết định đầu tư															
TT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giải đoạn 2021-2025				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024			Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Giải đoạn 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch năm 2025					
						Tổng số	Trong đó Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Tr.đó NSTW	Tổng số	Tr.đó NSTW				
	Tổng số					6.126.076	92.690	4.158.504	4.158.504	1.856.228	1.856.228				
A1	Các dự án theo ngành lĩnh vực					3.136.531	92.690	1.974.801	1.974.801	1.147.058	1.147.058				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi					210.000	4.750	111.250	111.250	94.000	94.000				
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025					110.000	1.750	88.250	88.250	17.000	17.000				
I	Đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Kon Ka Kinh và Năng cao năng lực PCCC rừng cho lực lượng kiểm lâm và năng lực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2022-2025	428/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 361/QĐ-SNNPTNT ngày 29/6/2021	120.000	110.000	110.000	1.750	88.250	88.250	17.000	17.000		Dự án hoàn thành năm 2025		
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025					100.000	3.000	23.000	23.000	77.000	77.000				
I	Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Kluot, huyện Chư Păh	2024-2027	1135/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	100.000	100.000	100.000	3.000	23.000	23.000	77.000	77.000		Dự án hoàn thành năm 2025		
II	Giao thông					2.826.531	86.510	1.842.121	1.842.121	974.488	974.488				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025					2.270.000	73.800	1.446.976	1.446.976	823.024	823.024				

Quyết định đầu tư													
TT	Nguồn vốn	Thời gian gian KC- HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách tương đương giai đoạn 2021-2025			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Tr.đó NSTW	Tổng số	Tr.đó NSTW		
1	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh - Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2022- 2025	411/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1136/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 625/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	260.000	260.000	260.000	2.240	152.417	152.417	107.583	107.583	Dự án hoàn thành năm 2025	
2	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	2022- 2025	1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.325.000	900.000	900.000	3.000	692.000	692.000	208.000	208.000	Dự án hoàn thành năm 2025	
3	Đường nội thị huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	2023- 2025	1096/QĐ-UBND ngày 8/12/2021	90.000	90.000	90.000	51.580	60.813	60.813	29.187	29.187	Dự án hoàn thành năm 2025	
4	Đường từ xã Yang Nam đi xã Chư Long, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	2023- 2025	558/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	100.000	100.000	100.000	1.540	46.540	46.540	53.460	53.460	Dự án hoàn thành năm 2025	
5	Đường nối từ Quốc lộ 19 (đường Quang Trung) đi đường Vành Dại phía bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	2023- 2025	12/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	150.000	150.000	150.000	1.050	94.089	94.089	55.911	55.911	Dự án hoàn thành năm 2025	
6	Đường liên xã huyện Đăc Că, tỉnh Gia Lai	2023- 2025	433/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	100.000	100.000	100.000	1.650	60.650	60.650	39.350	39.350	Dự án hoàn thành năm 2025	
7	Đường liên xã huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	2023- 2025	659/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	110.000	110.000	110.000	3.350	53.350	53.350	56.650	56.650	Dự án hoàn thành năm 2025	
8	Đường liên xã huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	2023- 2025	781/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	100.000	100.000	100.000	1.870	51.870	51.870	48.130	48.130	Dự án hoàn thành năm 2025	

TT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giải đoạn 2021-2025			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó	Chuồn bị đầu tư	Tổng số	Tr.đó NSTW	Tổng số		Tr.đó NSTW
9	Đường liên xã huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	2023-2025	535/QĐ-UBND ngày 02/5/2023	90.000	90.000	90.000	2.040		52.040	52.040	37.960	37.960	Dự án hoàn thành năm 2025	
10	Đường liên xã huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	2023-2025	632/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	100.000	100.000	100.000	1.910		51.910	51.910	48.090	48.090	Dự án hoàn thành năm 2025	
11	Đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	2023-2025	718/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	90.000	90.000	90.000	950		40.296	40.296	49.704	49.704	Dự án hoàn thành năm 2025	
12	Đường liên xã huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai	2023-2025	751/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	90.000	90.000	90.000	1.270		51.270	51.270	38.730	38.730	Dự án hoàn thành năm 2025	
13	Đường giao thông huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	2023-2025	1317/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	90.000	1.350		39.731	39.731	50.269	50.269	Dự án hoàn thành năm 2025	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025					556.531	12.710		395.145	395.145	151.464	151.464		
1	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa, đường Tỉnh 669 và đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Đak Đoa	2023-2026	744/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	650.000	650.000	360.000	7.510		309.945	309.945	50.055	50.055		
2	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	2023-2026	589/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 486/QĐ-UBND ngày 22/4/2023	120.000	120.000	81.531	2.790		52.790	52.790	28.741	28.741		
3	Đường liên xã huyện Khang, tỉnh Gia Lai	2024-2026	734/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	135.000	135.000	115.000	2.410		32.410	32.410	72.668	72.668		
III	Khu công nghiệp, khu kinh tế			-	-	100.000	1.430		21.430	21.430	78.570	78.570		

TT	Nguồn vốn	Thời gian K-C-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn ngắn sách trung ương giai đoạn 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
				Tổng mức đầu tư		Giai đoạn 2021-2025						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Tr.đó NSTW	Tổng số	Tr.đó NSTW	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025					100.000	1.430	21.430	21.430	78.570	78.570	
1	Hà tăng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	2022-2025	1125/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	100.000	100.000	100.000	1.430	21.430	21.430	78.570	78.570	Dự án hoàn thành năm 2025
A.2	Chương trình mục tiêu Quốc gia					2.989.545		2.183.703	2.183.703	709.170	709.170	
1	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					1.540.203		1.078.300	1.078.300	368.916	368.916	
2	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					289.172		237.108	237.108	48.379	48.379	
3	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới					1.160.170		868.295	868.295	291.875	291.875	

HOẠCH VON ĐẦU TƯ PH
(Kèm theo Nghị quyết)

DVT: Triệu đông

[illegible]

STT	Nội dung/dịa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH						CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI						CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI						CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHIỆM BỀN VỮNG						Ghi chú
		Kế hoạch Năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch Năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch Năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch Năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch Năm 2025	Trong đó:							
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương									
III	Các Chương trình, Đề án, Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	120.640	23.120	97.520				120.640	23.120	97.520																
I	Hỗ trợ thực hiện chỉ đạo điểm của Trung ương	13.420	12.120	1.300				13.420	12.120	1.300																
a)	Hỗ trợ huyện Krông, tỉnh Gia Lai (huyện chỉ đạo điểm của Trung ương) phần đầu đại chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	9.370	8.070	1.300				9.370	8.070	1.300																
b)	Xây dựng thí điểm Trung tâm cung ứng nông sản an toàn cấp huyện	4.050	4.050					4.050	4.050																	(1)
2	Các Chương trình, Đề án, Kế hoạch khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt	107.220	11.000	96.220				107.220	11.000	96.220																(2)
IV	Vấn nước ngoài	10.160	9.067	1.093				10.160	9.067	1.093																
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai	10.160	9.067	1.093				10.160	9.067	1.093																Phụ lục 4.3

Ghi chú:

Ghi chú:

(1) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết đảm bảo theo đúng quy định.

(2) Hỗ trợ huyện phần đầu đại chuẩn nông thôn mới theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Hỗ trợ hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các Chương trình và các nhiệm vụ khác; (hỗ trợ xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, làng nông thôn mới...); Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Phụ lục 4.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KC và HT	Quyết định đầu tư dự án			Lũy kế vốn đã phân bổ đến hết năm 2024				Kế hoạch vốn chi tiết năm 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số	NSNN		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Huyện Kông Chro	2023-2025	Số 568/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	29.985	29.985	25.706	25.706	-	4.279	4.279	-	Sở Y tế		
2	Dự án đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 24 trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT giai đoạn 2023-2025 thuộc Dự án 5 - Tiểu dự án 1. Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường PT có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Các huyện, thành phố	2023-2025	Số 233/QĐ-SGDDT ngày 06/4/2023; 609/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	151.024	151.024	46.247	46.247	-	104.777	76.885	27.892	Sở Giáo dục và Đào tạo		

Phụ lục 4.2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHIỆO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KẾ và HT	Quyết định đầu tư dự án			Lũy kế vốn đã phân bổ đến hết năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số		
					Tổng số	NSTW	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
1	Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn của Trường Cao đẳng Gia Lai	Pleiku, An Khê, Ayun Pa	2023-2025	Số 653/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	87.110	79.191	67.193	61.085	6.108	19.917	18.106	1.811	Trường Cao đẳng Gia Lai	

Phụ lục 4.3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn DTPT giai đoạn 2021-2025				Lũy kế kế hoạch vốn DTPT đã giao đến năm 2024				Kế hoạch vốn DTPT năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
						NSTW (vốn nước ngoài)	NS tỉnh			NSTW (vốn nước ngoài)			NS tỉnh			NSTW (vốn nước ngoài)		NS tỉnh	NSTW (vốn nước ngoài)			NS tỉnh
	Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2023-2025	Số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	107.161	90.668	16.493	107.161	90.668	16.493	97.001	81.601	15.400	10.160	9.067	1.093	Sở Y tế					

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Số quyết định	Quỹ đầu tư đầu tư										Kế hoạch đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025										Kế hoạch vốn đã bỏ từ tư nhân công đến hết năm 2024										Dự kiến kế hoạch Năm 2025										Chức năng nhiệm vụ	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
					TĐBT										Kế hoạch đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025										Kế hoạch vốn đã bỏ từ tư nhân công đến hết năm 2024										Dự kiến kế hoạch Năm 2025																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
					Trong đó:										Trong đó:										Trong đó:										Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
					Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư				Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư		Vốn đầu tư

BIỂU 6

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KÈO DÀI THỜI GIẠN BỎ TRÍ VỐN SANG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT		Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH năm 2025		Chủ đầu tư	Ghi chú		
					TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										
I		Các dự án tỉnh quản lý					116.000	116.000	72.549	72.549	43.451	43.451				
1		Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	2021 - 2024	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000	30.000	30.000	29.044	29.044	956	956	UBND thị xã An Khê	Dự án kéo dài thời gian bỏ trí vốn sang năm 2025 do không đủ vốn bỏ trí năm 2024		
2		Đường Phía Đông thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	2021 - 2024	488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 894/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	70.000	70.000	70.000	70.000	35.000	35.000	35.000	35.000	UBND huyện Chư Pưh	Dự án kéo dài thời gian bỏ trí vốn sang năm 2025 do không đủ vốn bỏ trí năm 2024		
3		Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	2022 - 2024	406/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 276/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 255/QĐ-SKHDT ngày 02/12/2021; 01/QĐ-SKHDT ngày 03/01/2024	12.000	12.000	12.000	12.000	8.325	8.325	3.675	3.675	Ban QL các dự án DTXD tỉnh	Dự án kéo dài thời gian bỏ trí vốn sang năm 2025 do không đủ vốn bỏ trí năm 2024		
4		Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	2022 - 2024	275/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 257/QĐ-SKHDT ngày 06/12/2021; 186/QĐ-SKHDT ngày 14/11/2022; 02/QĐ-SKHDT ngày 03/01/2024	4.000	4.000	4.000	4.000	180	180	3.820	3.820	Ban QL các dự án DTXD tỉnh	Dự án kéo dài thời gian bỏ trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bỏ trí năm 2023		